

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: **Kinh tế**

Chuyên ngành: **Tài chính – Ngân hàng**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Họ và tên người đăng ký: **ĐINH THỊ THU HỒNG**
- Ngày tháng năm sinh: 08/12/1981; Nam ☐ ; Nữ ☒ Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
- Quê quán: xã Yên Phương, huyện Ý Yên, Nam Định
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 107, Lô A, chung cư 43 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
- Địa chỉ liên hệ: 182/9B Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại di động: 0903361870; E-mail: hongtcdn@ueh.edu.vn
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 6/2003 đến 3/2006: Nhân viên Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.
 - Từ tháng 4/2006 đến nay: Giảng viên cơ hữu tại Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (nay là Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh).

Chức vụ:

Hiện nay: Phó Trưởng ban thường trực Ban Đào tạo – Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Hiệu trưởng Trường Kinh doanh – Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Cơ quan công tác hiện nay: Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cơ quan: 59C Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan: 028. 38.295.299

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 9 năm 2023;

Số văn bằng : 484154;

Ngành : Tài chính – Tiền tệ - Tín dụng, chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp;

Nơi cấp bằng ĐH: Trường ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 17 tháng 1 năm 2008;

Số văn bằng : 0034936;

Ngành : Tài chính – Ngân hàng, chuyên ngành: Tài chính;

Nơi cấp bằng ThS: Trường ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 29 tháng 9 năm 2015;

Số văn bằng : 000006;

Ngành : Tài chính – Ngân hàng, chuyên ngành: Tài chính;

Nơi cấp bằng ĐH: Trường ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo sư** tại HĐGS cơ sở: **Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo sư** tại HĐGS ngành, liên ngành: **Kinh tế**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Trong quá trình công tác với vai trò là một giảng viên đại học, tôi ý thức được nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở lĩnh vực chuyên môn được đào tạo từ bậc Đại học đến Tiến sĩ, kết hợp với kiến thức và kinh nghiệm giảng dạy các môn học được phân công tại Khoa Tài chính, tôi đã từng bước tìm tòi, phát hiện các vấn đề thực tiễn, các khoảng trống nghiên cứu, và thực hiện các nghiên cứu khoa học liên quan. Theo đó, các nghiên cứu của tôi trong thời gian qua tập trung theo ba hướng chính: Tài chính quốc tế; Thị trường tài chính và các định chế; và Quản trị rủi ro tài chính. Với mỗi hướng nghiên cứu, tôi đều quan tâm cập nhật những xu hướng vận động, phát triển của thị trường, của nền kinh tế, ảnh hưởng của tiến bộ công nghệ, đặc biệt chú trọng những vấn đề nổi bật mà các quốc gia đang quan tâm hiện nay như phát triển bền vững, biến đổi khí hậu,... Kết quả nghiên cứu gắn với mỗi hướng được thể hiện qua đề tài nghiên cứu các cấp được hoàn thành, bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế uy tín, hay các bài tham gia hội thảo khoa học. Cụ thể:

- Hướng nghiên cứu thứ nhất: Tài chính quốc tế

Hướng nghiên cứu này được thể hiện rõ nét và xuyên suốt quá trình nghiên cứu và giảng dạy của ứng viên, đặc biệt qua nghiên cứu trong Luận án tiến sĩ về “Bộ ba bất khả thi và lựa chọn chính sách cho Việt Nam”. Đóng góp quan trọng của luận án là đo lường mức độ đạt được các mục tiêu chính sách của Việt Nam và một số quốc gia châu Á trên thực tế, chứng minh sự ràng buộc của lý thuyết Bộ ba bất khả thi, và đánh giá tác động của các kết hợp chính sách đến tăng trưởng, lạm phát và sự ổn định của nền kinh tế. Theo hướng nghiên cứu về Tài chính quốc tế, các nghiên cứu mà ứng viên thực hiện tập trung vào chính sách tiền tệ, tỷ giá hối đoái, nợ công, giá dầu, tăng trưởng kinh tế, phát triển tài chính. Và với xu hướng phát triển của công nghệ trong lĩnh vực tài chính, một số nghiên cứu liên quan đến tiền kỹ thuật số, những thay đổi trong hệ thống thanh toán và hệ thống tiền tệ quốc tế cũng được ứng viên chú trọng thực hiện.

Các kết quả nghiên cứu và đào tạo theo hướng nghiên cứu thứ nhất được thể hiện trong các công trình sau đây:

+ **16 bài báo khoa học** được công bố trên các tạp chí, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế uy tín theo số thứ tự trong Mẫu 1 (mục số 7): [2], [3], [4], [5], [8], [9], [24], [25], [26], [27], [30], [40], [41], [42], [43], [48].

+ **04 nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp** theo số thứ tự trong Mẫu 1 (mục số 6): [4], [5], [6], [10].

+ **01 sách tham khảo** theo số thứ tự trong Mẫu 1 (mục số 5): [4].

+ **04 học viên cao học** bảo vệ thành công và đã nhận bằng thạc sĩ theo số thứ tự trong Mẫu 1 (mục số 4): [1], [2], [3], [15].

- Hướng nghiên cứu thứ hai: Thị trường tài chính và các định chế

Chức năng quan trọng nhất của thị trường tài chính là giúp luân chuyển vốn trong nền kinh tế, giữa các quốc gia, và trên toàn thế giới. Để thị trường được vận hành hiệu quả phải kể đến vai trò trung gian quan trọng của các định chế tài chính, cũng như vai trò điều tiết và giám sát của các cơ quan quản lý. Nhận thức được tầm quan trọng của những vấn đề liên quan đến thị trường tài chính, các định chế tài chính, đặc biệt là những chuyển biến mới trên thị trường nhờ công nghệ, những cú sốc trên thị trường như sự kiện khủng hoảng, phá sản ngân hàng,... cùng với tầm ảnh hưởng quy mô toàn cầu, đe dọa đến ổn định kinh tế và tài chính của tất cả các quốc gia, ứng viên đã nghiên cứu các chủ đề theo hướng này. Các nghiên cứu về thị trường tài chính và các định chế tập trung vào vai trò của chính sách tiền tệ, tăng trưởng tín dụng, sự tương tác giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ, hiệu quả và rủi ro trong hoạt động của ngân hàng thương mại, vai trò của công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng, hoạt động ngân hàng ngầm, và nguồn nhân lực trình độ quốc tế ngành Tài chính – Ngân hàng trong bối cảnh hiện nay.

Các kết quả nghiên cứu và đào tạo theo hướng nghiên cứu thứ hai được thể hiện trong các công trình sau đây:

+ **16 bài báo khoa học** được công bố trên các tạp chí, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế uy tín theo số thứ tự trong Mẫu 1 (mục số 7): [14], [15], [16], [18], [22], [23], [28], [31], [33], [34], [35], [36], [37], [39], [46], [49].

+ **06 nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp** theo số thứ tự trong Mẫu 1 (mục số 6): [1], [7], [8], [11], [12], [14].

+ **01 sách chuyên khảo** theo số thứ tự trong Mẫu 1 (mục số 5): [1].

+ **07 học viên cao học** bảo vệ thành công và đã nhận bằng thạc sĩ theo số thứ tự trong Mẫu 1 (mục số 4): [4], [5], [6], [7], [8], [9], [13].

- Hướng nghiên cứu thứ ba: Quản trị rủi ro tài chính

Nghiên cứu về chủ đề quản trị rủi ro tài chính mà ứng viên tham gia và chủ trì thực hiện gắn liền với các vấn đề của thị trường tài chính, như những rủi ro của quá trình tự do hóa tài chính ở Việt Nam, nợ xấu và rủi ro đạo đức trong hệ thống ngân hàng, tăng trưởng tín dụng và vai trò của chính sách vĩ mô thận trọng, hay rủi ro biến động giá hàng hóa, tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán. Bên cạnh đó, trước những vấn đề đặt ra liên quan đến rủi ro biến đổi khí hậu, thách thức của quá trình chuyển đổi xanh và tăng trưởng bền vững hiện nay, nghiên cứu về các tác động này đến hiệu quả tài chính doanh nghiệp, đến rủi ro liên quan của các định chế tài chính cũng được ứng viên chú trọng triển khai nghiên cứu.

Các kết quả nghiên cứu và đào tạo theo hướng nghiên cứu thứ ba được thể hiện trong các công trình sau đây:

+ **17 bài báo khoa học** được công bố trên các tạp chí, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế uy tín theo số thứ tự trong Mẫu 1 (mục số 7): [1], [6], [7], [10], [11], [12], [13], [17], [19], [20], [21], [29], [32], [38], [44], [45], [47].

+ **05 nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp** theo số thứ tự trong Mẫu 1 (mục số 6): [2], [3], [9], [13], [15].

+ **02 sách chuyên khảo** theo số thứ tự trong Mẫu 1 (mục số 5): [2], [3].

+ **04 học viên cao học** bảo vệ thành công và đã nhận bằng thạc sĩ theo số thứ tự trong Mẫu 1 (mục số 4): [10], [11], [12], [14].

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **15 Học viên cao học** bảo vệ thành công luận văn, đề án và đã nhận bằng Thạc sĩ;

- Đã hoàn thành **15 nhiệm vụ KHCN** từ cấp cơ sở trở lên, đang là chủ nhiệm của 01 nhiệm vụ KHCN cấp Cơ sở, trong đó:

- + Thành viên của 04 đề tài cấp Bộ đã nghiệm thu;
- + Thành viên của 02 đề tài cấp Cơ sở đã nghiệm thu;
- + Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Tỉnh (tương đương cấp Bộ) đã nghiệm thu;
- + Chủ nhiệm 08 đề tài cấp Cơ sở đã nghiệm thu;
- + Chủ nhiệm 01 đề tài KHCN cấp Cơ sở đang thực hiện đúng tiến độ.

- Đã công bố **49 bài báo khoa học** trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế uy tín, các kỷ yếu hội thảo khoa học trong nước và quốc tế có phản biện; trong đó có **04 bài báo khoa học** mà ứng viên là tác giả chính được công bố trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục Scopus, và **01 chương sách** NXB có uy tín trên thế giới mà ứng viên là tác giả chính.

- Số lượng sách đã xuất bản: **04 sách (03 chủ biên và 01 thành viên)**, tất cả 04 sách đều thuộc nhà xuất bản có uy tín.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

+ Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2025 (QĐ số 1057/QĐ-BGDĐT ngày 18/04/2025);

+ Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2020 (QĐ số 4085/QĐ-BGDĐT ngày 03/12/2020);

+ Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2018 (QĐ số 4753/QĐ-BGDĐT ngày 02/11/2018);

+ Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2017 (QĐ số 753/QĐ-BGDĐT ngày 13/3/2017);

+ Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ năm 2019 (QĐ số 4343/QĐ-BGDĐT ngày 13/11/2019);

+ Huy hiệu Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021 (QĐ số 3792/QĐ-UBND ngày 8/11/2021);

+ Cá nhân điển hình tiên tiến, có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho sự phát triển của UEH, giai đoạn 2015-2020 (QĐ số 156/QĐ-ĐHKT-NS ngày 15/01/2020);

+ Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở trong nhiều năm;

+ Danh hiệu Lao động tiên tiến từ năm 2016 – 2024;

+ Danh hiệu Cán bộ quản lý xuất sắc năm 2023-2024;

+ Danh hiệu Giảng viên xuất sắc từ năm 2018 – 2023;

+ Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. HCM về đóng góp tích cực trong chương trình đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo theo chuẩn AUN-QA tại UEH năm 2019 (QĐ số 3300/QĐ-ĐHKT-NS);

+ Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. HCM về giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt thành tích cao năm 2020 (QĐ số 1262/QĐ-ĐHKT-QTNL ngày 24/4/2021);

+ Các Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. HCM về đạt giải thưởng "Giảng viên – Cán bộ trẻ xuất sắc", "Giảng viên – Cán bộ trẻ tiêu biểu", về thành tích trong nghiên cứu khoa học; và Giấy khen, Giấy chứng nhận về thành tích hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Là một giảng viên đại học, tôi luôn ý thức sâu sắc về trách nhiệm của mình trong rèn luyện và giữ gìn phẩm chất, tư tưởng, đạo đức tốt, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo vị trí công việc được giao, không ngừng nỗ lực cập nhật, học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đồng thời rèn luyện sức khỏe để đảm bảo đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp. Cụ thể:

Về tư tưởng, phẩm chất đạo đức: tôi luôn chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, tuân thủ các quy định của Trường, Khoa, Bộ môn, đơn vị công tác. Tôi luôn giữ vững lập trường tư tưởng vững vàng, trung thành với lý tưởng của Đảng, giữ vững phẩm chất đạo đức của người Đảng viên, giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo. Trong tập thể, tôi luôn hòa đồng, đoàn kết, quan tâm, giúp đỡ và học hỏi đồng nghiệp. Với người học, tôi luôn tôn trọng, đối xử công bằng, không ngừng rèn luyện nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, và nêu gương cho người học.

Về nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học: trong suốt quá trình giảng dạy tại Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, tôi luôn nỗ lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ về giảng dạy, nghiên cứu khoa học, cũng như các nhiệm vụ khác được Trường, Khoa và Bộ môn giao phó. Bên cạnh đó, tôi sẵn sàng và tích cực tham gia các hoạt động xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm định và đảm bảo chất lượng

chương trình đào tạo tại đơn vị. Hàng năm, tôi cũng tham gia hướng dẫn sinh viên thực hiện học kỳ doanh nghiệp, làm khóa luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, đặc biệt là hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt nhiều thành tích qua các năm; tham gia các hội đồng đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học, góp ý cho các đề cương nghiên cứu của nghiên cứu sinh; tham gia tổ chức, làm chủ tọa phiên thảo luận tại các hội thảo quốc gia, hội thảo quốc tế; và tham gia phản biện bài báo khoa học tạp chí trong nước và quốc tế.

Qua hơn 19 năm công tác tại Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, tôi luôn nỗ lực không ngừng để đáp ứng tốt nhất các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của một nhà giáo, phấn đấu xứng đáng với vị trí và vai trò mà tập thể và lãnh đạo đơn vị giao phó. Đồng thời, việc tiếp tục tìm tòi nghiên cứu và học tập nâng cao trình độ chuyên môn cũng luôn là yêu cầu nghề nghiệp mà tôi luôn đề cao và phấn đấu.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: **19 năm 02 tháng**

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020			03	08	90	90	180/355,5/202,5
2	2020-2021			03	06	90	90	180/343,5/189
3	2021-2022			03	06	0	146	146/320,5/162
03 năm học cuối								
4	2022-2023			02	05	90	90	180/340/162
5	2023-2024			03	03	45	60	105/243/67,5
6	2024-2025			01	05	45	53	98/191/67,5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ☐ ThS ☐ hoặc luận ☐ án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 6.5.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Triệu Quang Hòa		HVCH	X		2019-2020	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	QĐ số 1328/QĐ-ĐHKT-ĐTSĐH ngày 04/5/2021
2	Lưu Thiên Ngọc		HVCH	X		2019-2020	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	QĐ số 837/QĐ-ĐHKT-ĐTSĐH ngày 16/4/2020
3	Nguyễn Xuân Minh Đức		HVCH	X		2019-2020	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	QĐ số 3174/QĐ-ĐHKT-ĐTSĐH ngày 28/11/2019
4	Huỳnh Nguyễn Yến Nhi		HVCH	X		2020-2021	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	QĐ số 3121/QĐ-ĐHKT-ĐTSĐH ngày 26/10/2022
5	Huỳnh Thị Ái Trúc		HVCH	X		2020-2021	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	QĐ số 324/QĐ-ĐHKT-ĐTSĐH ngày 14/1/2022
6	Võ Kiều Trân		HVCH	X		2020-2021	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	QĐ số 3121/QĐ-ĐHKT-ĐTSĐH ngày 26/10/2022

7	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		HVCH	X		2021-2022	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	Ngày cấp bằng 14/01/2022
8	Phùng Văn Tuấn		HVCH	X		2021-2022	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	Ngày cấp bằng 26/10/2022
9	Trương Thanh Văn		HVCH	X		2021-2022	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	Ngày cấp bằng 14/01/2022
10	Phạm Nguyễn Trang Anh		HVCH	X		2022-2023	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	Ngày cấp bằng 11/4/2023
11	Trịnh Thị Oanh		HVCH	X		2022-2023	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	Ngày cấp bằng 11/4/2023
12	Nguyễn Thanh Nhật		HVCH	X		2023-2024	ĐH Kinh tế TP. HCM	Ngày cấp bằng 10/4/2024
13	Cao Thị Hoàng Oanh		HVCH	X		2023-2024	ĐH Kinh tế TP. HCM	Ngày cấp bằng 10/4/2024
14	Trần Thị Oanh		HVCH	X		2023-2024	ĐH Kinh tế TP. HCM	Ngày cấp bằng 10/4/2024
15	Phạm Kim Phụng		HVCH	X		2024-2025	ĐH Kinh tế TP. HCM	Ngày cấp bằng 10/01/2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Ngân hàng thương mại Việt Nam trong bối cảnh trở dậy của Công nghệ tài chính	CK	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2024 (ISBN: 978-604-346-301-9)	1	Chủ biên	Toàn bộ	Giấy chứng nhận mục đích sử dụng sách số 29/ĐHKT-NCPTGKTC ngày 17/6/2024

2	Chính sách vĩ mô thận trọng hướng tới ổn định tài chính và chuyển đổi xanh	CK	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2024 (ISBN: 978-604-346-302-6)	2	Chủ biên	Chương 1 (từ trang 7-29), Chương 3,4,5 (từ trang 39-128)	Giấy chứng nhận mục đích sử dụng sách số 29/ĐHKT-NCPTGKTC ngày 17/6/2024
3	Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến hiệu quả tài chính các doanh nghiệp Việt Nam	CK	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2024 (ISBN: 978-604-346-305-7)	2	Chủ biên	Chương 1 (từ trang 8-14), Chương 3 (từ trang 27-74), Chương 5 (từ trang 92-126)	Giấy chứng nhận mục đích sử dụng sách số 29/ĐHKT-NCPTGKTC ngày 17/6/2024
4	Tài chính Công ty Đa quốc gia	TK	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2016 (ISBN: 978-604-922-372-3)	5	Thành viên	Chương 1,2 (từ trang 1-42), Chương 6 (từ trang 119-136), Chương 9 (từ trang 193-214)	Giấy chứng nhận mục đích sử dụng sách số 28/ĐHKT-NCPTGKTC ngày 17/6/2024

Trong đó: Số lượng sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản mà ứng viên là chủ biên sau TS là 03 sách, số thứ tự [1], [2], [3].

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

Biên soạn sách theo các hướng nghiên cứu như sau:

- **Hướng nghiên cứu 1:** 01 sách theo số thứ tự [4]
- **Hướng nghiên cứu 2:** 01 sách theo số thứ tự [1]
- **Hướng nghiên cứu 3:** 02 sách theo số thứ tự [2], [3].

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I Trước khi được công nhận TS					
1	Nâng cao hiệu quả thực thi chính sách tài chính tiền tệ	CN	CS-2008-14, Đề tài cấp cơ sở	2008-2009	23/7/2009, Xếp loại: Xuất sắc
2	Những rủi ro của quá trình tự do hóa tài chính ở Việt Nam và các biện pháp phòng ngừa	Thành viên	B.2008-09-55, Đề tài cấp Bộ	2008-2011	20/12/2011 Xếp loại: Xuất sắc
3	Xây dựng thị trường giao sau hàng hóa phòng ngừa rủi ro biến động giá	Thành viên	B.2009-09-82, Đề tài cấp Bộ	2009-2011	14/4/2011 Xếp loại: Tốt
4	Nghiên cứu tác động của nợ công đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam	Thành viên	CS-2011-67, Đề tài cấp Cơ sở	2011-2012	26/4/2013 Xếp loại: Khá
5	Các nhân tố tác động đến tỷ giá thực và một số khuyến nghị chính sách cho Việt Nam	Thành viên	CS-2014-49- CĐ05, Đề tài cấp Cơ sở	2013-2014	28/2/2014 Xếp loại: Tốt
II Sau khi được công nhận TS					
6	Nghiên cứu phản ứng kinh tế vĩ mô của Việt Nam trước cú sốc giá dầu	CN	CS-2015-27, Đề tài cấp Cơ sở	2015-2016	15/3/2016 Xếp loại: Tốt
7	Nghiên cứu sự tương tác giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ trong nền kinh tế mở nhỏ Việt Nam: Ước lượng bằng mô hình Bayesian DSGE	Thành viên	B2016-KSA-04 Đề tài cấp Bộ	2016-2018	19/6/2018 Xếp loại: Xuất sắc
8	Quy tắc Taylor trong điều hành chính sách tiền tệ ở Việt Nam và các nước trong khu vực	Thành viên	B2016-KSA-02, Đề tài cấp Bộ	2016-2018	20/6/2018 Xếp loại: Xuất sắc
9	Ngưỡng nợ xấu và vấn đề rủi ro đạo đức trong hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam	CN	CS-2017-28, Đề tài cấp Cơ sở	2017-2018	15/6/2018 Xếp loại: Xuất sắc

10	Chuỗi tình huống về tài chính công ty đa quốc gia	CN	CS-2017-93, Đề tài cấp Cơ sở	2017-2018	29/11/2018 Xếp loại: Xuất sắc
11	Nghiên cứu ảnh hưởng của các công ty fintech lên hiệu quả hoạt động của NHTM Việt Nam	CN	CS-2020-37, Đề tài cấp Cơ sở	2020-2021	25/11/2020 Xếp loại: Tốt
12	Tác động của ngân hàng ngầm đến hiệu quả kinh doanh của ngân hàng thương mại: bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam	CN	CS-2021-78, Đề tài cấp cơ sở	2021-2022	25/8/2022 Xếp loại: xuất sắc
13	Tăng trưởng tín dụng và chính sách vĩ mô thận trọng: bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam	CN	CS-COB-2023-08, Đề tài cấp Cơ sở	2023-2024	27/10/2023 Xếp loại: Tốt
14	Đào tạo nhân lực trình độ quốc tế ngành Tài chính - Ngân hàng	CN	Quyết định Số 450/QĐ-SKHCHN; Hợp đồng Số 19/2022/HĐ-QKHCHN, Đề tài cấp Tỉnh	2022-2023	Quyết định Số 482/QĐ-SKHCHN ngày 18/7/2023, Ngày nghiệm thu 31/7/2023, Xếp loại: Đạt
15	Biến đổi khí hậu và hiệu quả tài chính công ty: Bằng chứng thực nghiệm tại các công ty nông nghiệp Việt Nam	CN	CS-COB-2024-04, Đề tài cấp Cơ sở	2024-2025	02/8/2024 Xếp loại: Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

Đề tài nghiên cứu khoa học theo các hướng nghiên cứu như sau:

- **Hướng nghiên cứu 1:** 04 đề tài theo số thứ tự [4], [5], [6], [10]
- **Hướng nghiên cứu 2:** 06 đề tài theo số thứ tự [1], [7], [8], [11], [12], [14]
- **Hướng nghiên cứu 3:** 05 đề tài theo số thứ tự [2], [3], [9], [13], [15].

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

Ghi chú:

- Trong phần này ứng viên sắp xếp các bài báo, báo cáo khoa học đã công bố thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi được công nhận học vị Tiến sĩ;

- Trong mỗi giai đoạn, ứng viên chia các bài báo thành 4 mục sắp xếp theo thứ tự: bài báo khoa học công bố trên Tạp chí trong nước; bài báo khoa học công bố trên Tạp chí quốc tế; bài báo khoa học đăng trên Kỷ yếu hội thảo khoa học trong nước; và bài báo khoa học đăng trên Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế. Trong mỗi mục này, các bài báo được sắp xếp theo thứ tự thời gian.

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận TS								
I.1 Bài báo khoa học công bố trên Tạp chí trong nước								
1	Độ nhạy cảm tỷ giá và tỷ suất sinh lợi chứng khoán	03		Tạp chí Khoa học ISSN: 0866-8086			Số 6(2), Trang 25-29	Tháng 6/2015
2	Tác động của phát triển tài chính đến ổn định kinh tế ở các nước châu Á	01	X	Tạp chí Công nghệ Ngân hàng ISSN: 1859-3682			Số 97, Trang 47-54	Tháng 4/2014
3	Hiệu quả của chính sách tiền tệ thông qua kênh truyền dẫn lãi suất	02	X	Tạp chí Phát triển & Hội nhập ISSN: 1859-428 X			Số 12(22), Trang 39-47	Tháng 9-10/2013
4	Bộ ba bất khả thi và một số phương pháp đo lường	01	X	Tạp chí Phát triển & Hội nhập ISSN: 1859-428 X			Số 6(16), Trang 37-40	Tháng 9-10/2012
5	A Direction for Vietnam's monetary policy during the recession	01	X	Economic Development Review (Tạp chí Phát triển kinh tế bản tiếng Anh)			Số 184, Trang 2-8	Tháng 12/2009

				ISSN: 1859-1116				
6	Tỷ giá – Nguồn gốc rủi ro tài chính cho các doanh nghiệp	01	X	Tạp chí Phát triển kinh tế ISSN: 1859-1116			Số 212, Trang 27-31	Tháng 6/2008
I.2 Bài báo khoa học công bố trên Tạp chí quốc tế								
7	On the Effect of Interest Rates Dynamics on Vietnamese Companies (DOI:10.5539/ijef.v7n5p147)	02		International Journal of Economics and Finance Online-ISSN: 1916-9728 Print ISSN: 1916-971X		1	Vol 7(5), Trang 147-152,	Tháng 5/2015
I.3 Bài báo khoa học đăng trên Hội thảo khoa học trong nước								
8	Mối quan hệ giữa xuất khẩu, nhập khẩu và GDP tại các quốc gia ASEAN	2	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học “Việt Nam trong Cộng đồng Kinh tế Asean từ năm 2015” ISBN: 978-604-922-101-9			Trang 79-101	Tháng 10/2014
9	Những yếu tố nào làm cho đồng Việt Nam định giá cao	5		Báo cáo “Triển vọng kinh tế Việt Nam 2014 – Thê chế và Minh bạch” ISBN: 978-604-922-069-2			Trang 50-78	Tháng 4/2014
II Sau khi được công nhận TS								
II.1 Bài báo khoa học công bố trên Tạp chí trong nước								
10	Rủi ro khí hậu và chính sách cổ tức: Bằng chứng từ các quốc gia châu Á (DOI: 10.24311/jabes/2025.36.2.01)	03		Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (JABES)			Số 36(2) , trang 91-110	Tháng 3/2025

				ISSN: 2615-9104				
11	Vai trò của chính sách vĩ mô thận trọng trong chuyển đổi xanh và hàm ý chính sách cho Việt Nam (DOI: 10.24311/jabes/2024.35.12.01)	04	X	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (JABES) ISSN: 2615-9104			Số 35(12), trang 38-50	Tháng 12/2024
12	Biến đổi thủy văn và hiệu quả tài chính công ty nông nghiệp và thực phẩm: Bằng chứng thực nghiệm ở Việt Nam (DOI: 10.24311/jabes/2024.35.4)	01	X	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (JABES) ISSN: 2615-9104			Số 35(4) , trang 130-147	Tháng 4/2024
13	Kiểm soát và điều tiết tăng trưởng tín dụng bằng chính sách vĩ mô thận trọng: Bằng chứng thực nghiệm ở Việt Nam (DOI: 10.24311/jabes/2024.34.12)	02	X	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (JABES) ISSN: 2615-9104			Số 34(12), trang 118-134	Tháng 12/2023
14	Kinh doanh ngân hàng ngầm, hiệu quả và rủi ro: Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam	03	X	Tạp chí nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (JABES) ISSN: 2615-9104			Số 33(11), Trang 123-140	Tháng 11/2022
15	Responses of commercial banks' loan supply to monetaty policy shocks in Vietnam: The role of state ownership	03		Review of Finance ISSN: 2615-8981			Vol 5, Issue 2, Trang 35-43	Tháng 6/2022

16	Dịch vụ ngân hàng điện tử và hiệu quả hoạt động của THPT Việt Nam (DOI: 10.24311/jabes/2022.33.06.01)	03	X	Tạp chí nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (JABES) ISSN: 2615-9104			Số 33(6), Trang 06-22	Tháng 3/2022
17	Effects of fundamental and behavioral factors on stock price volatility: The case of Vietnam and East Asian countries	02		Review of Finance ISSN: 2615-8981			Vol 5, Issue 1, Trang 12-17	Tháng 3/2022
18	Tác động của Fintech tới hiệu quả hoạt động của NHTM	02	X	Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền Tệ ISSN: 1859-2805		4	Số 1+2 (562+563), Trang 51-58	Tháng 1/2021
19	Nợ xấu và vấn đề rủi ro đạo đức trong hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam	02	X	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (JABES) ISSN: 2615-9104			Số 29(7), Trang 21-36	Tháng 9/2018
II.2 Bài báo khoa học công bố trên Tạp chí quốc tế								
20	Climate-related risks, firm performance and role of risk reserve funds: empirical evidence in Vietnam (DOI: 10.1080/20430795.2024.2390953)	03	X (Tác giả đứng đầu)	Journal of Sustainable Finance & Investment ISSN: 20430795, 20430809	Scopus Q1, IF=3.8, H-index 43	2		Published online: 16/8/2024
21	The effectiveness of macroprudential policies on credit growth in Vietnam (DOI: 10.1111/1467-8454.12393)	02	X (Tác giả đứng đầu và tác giả	Australian Economic Papers ISSN: 0004900X, 14678454	Scopus Q2, IF=1.2, H-index 23		Vol 64, Issue 1, Trang 139-151	Tháng 3/2025

			liên hệ)					
22	The prospect theory and the idiosyncratic risk-return linkage: a quantile regression approach for Vietnam's stock market (DOI: 10.1108/MF-10-2023-0630)	03	X (Tác giả liên hệ)	Managerial Finance ISSN: 03074358	Scopus Q2, IF=1.9, H-index 52		Vol 50, Issue 8, Trang 1533-1553	Tháng 7/2024
23	Impacts of financial development on Vietnamese commercial banks' lending mechanisms of monetary policy pass-through: Bayesian analysis (Book Chapter) (DOI: 10.1007/978-3-031-35763-3_42)	03	X (Tác giả đứng đầu)	Studies in Systems, Decision and Control / Optimal Transport Statistics for Economics and Related Topics ISSN: 21984190, 2198-4182	Scopus Q3, H-index 46	1	Vol 483, Trang 588-611	Tháng 10/2023
24	The Impact of Oil Price on the Growth, Inflation, Unemployment and Budget Deficit of Vietnam (https://ideas.repec.org/a/eco/journ2/2017-03-06.html)	02	X (Tác giả liên hệ)	International Journal of Energy Economics and Policy ISSN: 21464553	Scopus Q2, H-index 58	83	Vol 7, Issue 3, Trang 42-49	Tháng 9/2017
25	Exploring the Role of Institutional Quality, Trade Openness, and Financial Development in Driving the Real Exchange Rate: Evidence in Southeast Asia Countries (DOI: 10.14254/1800-5845/2024.20-2.15)	04		Montenegrin Journal of Economics, ISSN: 18005845, 18006698	Scopus Q1, IF=1.2, H-index 24	1	Vol 20, Issue 2, Trang 183-194	Tháng 4/2024
26	A Nonlinear Industry-Level Analysis of China's Trade Balances with the EU-28: Does the Utilization of the Vehicle Currency USD Matter? (DOI: 10.1080/10971475.2023.2173398)	03		The Chinese Economy ISSN: 15580954, 10971475	Scopus Q1, IF=1.4, H-index 24	1	Vol 56, Issue 5, Trang 384-398	Tháng 1/2023

27	U-shaped impacts of institutional quality and ICT penetration on economic growth: Evidence from selected emerging countries (DOI: 10.1080/23322039.2022.2139887)	04		Cogent Economics & Finance ISSN: 23322039	Scopus Q2, IF=2, H-index 45	5	Vol 10, Issue 1, Trang 1-33	Tháng 11/2022
28	Financial development and monetary policy transmission in a multiple-tool regime: The case of Vietnamese commercial banks (DOI: 10.1080/23311975.2022.2135218)	03		Cogent Business & Management ISSN: 23311975	Scopus Q2, IF=3.0, H-index 56	10	Vol 9, Issue 1, Trang 1-41	Tháng 10/2022
29	Drivers of climate change in selected emerging countries: the ecological effects of monetary restrictions and expansions (DOI: 10.1080/23322039.2022.2114658)	05		Cogent Economics & Finance ISSN: 23322039	Scopus Q2, IF=2, H-index 45	4	Vol 10, Issue 1, Trang 1-29	Tháng 9/2022
30	Impact of ICT diffusion on the interaction of growth and its volatility: Evidence from cross-country analysis (DOI: 10.1080/23311975.2022.2054530)	04		Cogent Business & Management ISSN: 23311975	Scopus Q2, IF=3.0, H-index 56	15	Vol 9, Issue 1, Trang 1-27	Tháng 3/2022
31	The role of bank capital on the bank lending channel of monetary policy transmission: An application of marginal analysis approach (DOI: 10.1080/23322039.2022.2035044)	02		Cogent Economics & Finance ISSN: 23322039	Scopus Q2, IF=2, H-index 45	12	Vol 10, Issue 1, Trang 1-40	Tháng 2/2022
32	Asymmetric Exchange Rate Exposure – Research in Southeast Asian Countries (DOI: 10.31273/eirj.v4i2.164)	03	X (Tác giả liên hệ)	Exchanges: The warwick research Journal ISSN: 20539665		3	Vol 4, Issue 2, Trang 262-279	Tháng 4/2017
II.3 Bài báo khoa học đăng trên Hội thảo khoa học trong nước								
33	Những quan điểm chỉ đạo và đặc trưng cơ bản của nhân lực trình độ	2	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học “Những đặc			Trang 32-36	Tháng 9/2023

	quốc tế ngành Tài chính - Ngân hàng			trung và yêu cầu đối với nhân lực trình độ quốc tế ngành Tài chính – Ngân hàng & Giải pháp thực hiện đào tạo nhân lực trình độ quốc tế ngành Tài chính – Ngân hàng” ISBN: 978-604-346-223-4				
34	Những yêu cầu trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực Tài chính - Ngân hàng trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.	5	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học “Những đặc trưng và yêu cầu đối với nhân lực trình độ quốc tế ngành Tài chính – Ngân hàng & Giải pháp thực hiện đào tạo nhân lực trình độ quốc tế ngành Tài chính – Ngân hàng” ISBN: 978-604-346-223-4			Trang 26-31	Tháng 9/2023
35	Những nguyên tắc trong thiết kế mô hình đào tạo bậc đại học ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ quốc tế	4		Kỷ yếu hội thảo khoa học “Những đặc trưng và yêu cầu đối với nhân lực trình độ quốc tế ngành Tài chính – Ngân hàng & Giải pháp thực hiện đào tạo nhân lực trình độ quốc tế ngành			Trang 125-134	Tháng 9/2023

				Tài chính – Ngân hàng” ISBN: 978-604-346-223-4				
36	Dự báo nhu cầu nguồn nhân lực trình độ quốc tế ngành Tài chính - Ngân hàng tại thành phố Hồ Chí Minh và Việt Nam đến năm 2035	3		Kỷ yếu hội thảo khoa học “Những đặc trưng và yêu cầu đối với nhân lực trình độ quốc tế ngành Tài chính – Ngân hàng & Giải pháp thực hiện đào tạo nhân lực trình độ quốc tế ngành Tài chính – Ngân hàng” ISBN: 978-604-346-223-4			Trang 185-197	Tháng 9/2023
37	Sự hình thành trung tâm tài chính quốc tế và yêu cầu nhân lực trình độ quốc tế ngành Tài chính – Ngân hàng.	03		Kỷ yếu hội thảo khoa học “Những đặc trưng và yêu cầu đối với nhân lực trình độ quốc tế ngành Tài chính – Ngân hàng & Giải pháp thực hiện đào tạo nhân lực trình độ quốc tế ngành Tài chính – Ngân hàng” ISBN: 978-604-346-223-4			Trang 54-63	Tháng 9/2023
38	Tác động của chính sách vĩ mô thận trọng đến hoạt động của ngân hàng: Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam	02	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Định hình lại hệ thống tài chính toàn cầu và chiến lược			Trang 121-141	Tháng 6/2022

				của Việt Nam – Lần 2 ISBN: 978-604-80-6816-5				
39	Online banking services and bank risk: The case of Vietnam	04	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Định hình lại hệ thống tài chính toàn cầu và chiến lược của Việt Nam – Lần 2 ISBN: 978-604-80-6816-5			Trang 538-559	Tháng 6/2022
40	Toàn cầu hóa và hệ thống tiền tệ thế giới	02		Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Định hình lại hệ thống tài chính toàn cầu và chiến lược của Việt Nam – Lần 2 ISBN: 978-604-80-6816-5			Trang 17-24	Tháng 6/2022
41	Lợi nhuận và rủi ro của Bitcoin, Vàng, Dollar: Bằng chứng thực nghiệm từ mô hình EGARCH	03	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Định hình lại hệ thống tài chính toàn cầu và chiến lược của Việt Nam – Lần 1 ISBN: 978-604-80-5415-1			Trang 814-840	Tháng 4/2021
42	Cấu trúc của hệ thống tiền tệ toàn cầu	03		Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Định hình lại hệ thống tài chính toàn cầu và chiến lược của Việt Nam – Lần 1			Trang 33-56	Tháng 4/2021

				ISBN: 978-604-80-5415-1				
43	Định hình hệ thống thanh toán toàn cầu và vai trò của Stablecoin	02		Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Định hình lại hệ thống tài chính toàn cầu và chiến lược của Việt Nam – Lần 1 ISBN: 978-604-80-5415-1			Trang 86-107	Tháng 4/2021
44	Tỷ suất sinh lợi chứng khoán ngành bảo hiểm trong giai đoạn dịch Covid-19	02	X	Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Tác động của Covid-19, Insurtech, Thị trường & Chính sách CVII 2021” ISBN: 978-604-922-947-3			Trang 11-27	Tháng 3/2021
45	Từ Fintech đến Regtech: Vai trò của chính phủ, cơ quan điều tiết và cơ quan giám sát	03	X	Kỷ yếu hội thảo qua học quốc gia “Nền kinh tế số trước bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4” ISSN: 978-604-80-3565-5			Trang 27-34	Tháng 12/2018
46	Chỉ số điều kiện tài chính FCI: Đo lường và ứng dụng tại Việt Nam	05		Báo cáo đối thoại chính sách 2017 (Policy Dialogue 2017) ISBN: 978-604-922-607-6			Trang 1-63	Tháng 12/2017
II.4 Bài báo khoa học đăng trên Hội thảo khoa học quốc tế								
47		02		Kỷ yếu hội thảo quốc tế “International			Trang 19-20	Tháng 5/2023

	The importance of risk, volatility, and green finance in encouraging investments in renewable energy in the wake of The Covid-19 epidemic: evidence from G7 countries			Conference in Management Sciences and Decision Making” ISBN: 978-626-96101-1-2				
48	Ứng dụng mô hình dữ liệu hỗn hợp và các biến tài chính trong dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	02	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế “Econometrics and statistical methos - Applications in economics and finance - ESM-AEF 2019” ISBN: 978-604-80-3675-1			Trang 193-213	Tháng 1/2019
49	The entry of foreign banks into emerging markets and the impact on intangible assets and capital of domestic banks: evidence from Vietnam	03	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế “The mystique of luxury brands conference” ISBN: 978-604-80-8933-7			Trang 19	Tháng 12/2023

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau TS là **04** bài thuộc danh mục scopus, số thứ tự [20], [21], [22], [24]; và **01 chương sách** NXB có uy tín trên thế giới mà ứng viên là tác giả chính, số thứ tự [23].

Bài báo khoa học theo các hướng nghiên cứu như sau:

- **Hướng nghiên cứu 1:** Bao gồm 16 bài báo theo số thứ tự [2], [3], [4], [5], [8], [9], [24], [25], [26], [27], [30], [40], [41], [42], [43], [48].
- **Hướng nghiên cứu 2:** Bao gồm 16 bài báo theo số thứ tự [14], [15], [16], [18], [22], [23], [28], [31], [33], [34], [35], [36], [37], [39], [46], [49].
- **Hướng nghiên cứu 3:** Bao gồm 17 bài báo theo số thứ tự [1], [6], [7], [10], [11], [12], [13], [17], [19], [20], [21], [29], [32], [38], [44], [45], [47].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Xây dựng chương trình đào tạo ngành “Tài chính quốc tế” (mã số 52340203) trình độ Đại học	Tham gia	Quyết định số 1171/QĐ-ĐHKT-ĐBCL của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh ký ngày 27/2/2017	Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Quyết định số 1429/QĐ-ĐHKT-ĐBCL của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh ký ngày 30/5/2017	
2	Xây dựng chương trình đào tạo ngành “Bảo hiểm” (mã số 7340204) trình độ Đại học	Tham gia	Quyết định số 02/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh ký ngày 02/01/2020	Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Quyết định số 742/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh ký ngày 03/8/2020	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Đinh Thị Thu Hồng